

Bản án số: **66/2021/HS-ST**

Ngày 19/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Tuấn Linh

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ma Quốc Thê

2. Ông Nguyễn Văn Quang

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà:** Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/TLST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/11/1994 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Sán diu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1997; Con: có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2021 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Đỗ Xuân Tr, sinh ngày 06/4/1995 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn A, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Văn B, sinh năm 1970 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; Con: có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2021 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Đàm Văn V, sinh ngày 15/6/1994 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc:

Sán diu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đàm Văn L, sinh năm 1970 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Vợ: Lương Thị N, sinh năm 1995; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2021 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Đặng Văn N, sinh ngày 17/8/1995 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Văn H, sinh năm 1965 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 2002; Con: có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2021 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Trịnh Ngọc H, sinh ngày 27/12/1995 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trịnh Ngọc H, sinh năm 1965 và bà: Hoàng Thị H (đã chết); Vợ: Hướng Thị D, sinh năm 1995; Con: có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/02/2021 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Trần Thanh T, sinh ngày 15/6/1993 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn L, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Xuân T, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Vợ: Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1998; Con: có 02, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/02/2021 đến ngày 11/3/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 50 phút ngày 03/02/2021, tại đồi cây thuộc thôn L, xã S, huyện Sơn Dương, tổ công tác đội CSĐT tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Sơn Dương phối hợp với Công an xã S, huyện Sơn Dương lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đàm Văn V, sinh ngày 15/6/1994, trú tại thôn T, xã T, huyện Sơn Dương; Đặng Văn N, sinh ngày 17/8/1995; Trịnh Ngọc H, sinh ngày 27/12/1995, cùng trú tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương; Đỗ Xuân Tr, sinh ngày 06/4/1995, trú tại thôn A, xã S, huyện Sơn Dương; Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/11/1994, trú tại thôn B, xã S, huyện Sơn Dương về hành vi Đánh bạc. Tạm giữ: 36 quân bài tú lơ khơ và số tiền 5.740.000 đồng tại vị trí các đối tượng ngồi đánh bạc, Đàm Văn V tự nguyện giao nộp 3.950.000 đồng, Trịnh

Ngọc H tự nguyện giao nộp 8.500.000 đồng, Đỗ Xuân Tr tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng, Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp 3.900.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định như sau: Khoảng 12 giờ ngày 03/02/2021, Đàm Văn V, Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Trịnh Ngọc H, Đặng Văn N, Trần Thanh T cùng nhau uống nước tại quán trà sữa ở xã S, sau đó T rủ mọi người cùng nhau đến khu vực nghĩa địa ở đồi cây bạch đàn thuộc thôn L, xã S, huyện Sơn Dương đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên. Hình thức đánh ba cây như sau: Mỗi ván chia đều mỗi người 03 lá bài tú lơ khơ từ 36 quân bài (bỏ các quân 10, J, Q, K trong bộ bài tú lơ khơ) sau đó cộng vào tính điểm, tổng điểm 10 là cao nhất, (tổng điểm 03 quân bài là 10, 20 thì tính 10 điểm, tổng điểm trên 10 hoặc trên 20 thì lấy hàng đơn vị tính điểm bài đó) rồi tính điểm với người cầm chương, nếu thắng sẽ được 20.000 đồng, nếu bài được 09 hoặc 10 điểm thì sẽ được 40.000 đồng, ai được 10 điểm sẽ được cầm chương, nếu các bài bằng điểm nhau thì sẽ so đến chất theo thứ tự Rô, Cơ, Nhép, Bích. T là người chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ làm dụng cụ để đánh bạc, quá trình đánh bạc không có ai canh gác, thu tiền hồ, Trước khi đánh bạc Trịnh Ngọc H cho Đặng Văn N vay số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc. Số tiền đánh bạc các bị cáo khai nhận:

1. Nguyễn Văn H mang theo số tiền 4.860.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bắt đầu đánh bạc H lấy ra số tiền 960.000 đồng để đánh bạc, số tiền 3.900.000 đồng để ở túi áo phía trước, khi nào thua hết số tiền 960.000 đồng sẽ lấy ra để tiếp tục đánh bạc. Khi bị phát hiện không rõ thắng thua, để tiền tại vị trí đánh bạc và tự nguyện giao nộp số tiền 3.900.000 đồng ở trong túi áo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương.

2. Đỗ Xuân Tr mang theo số tiền 5.900.000 đồng, Tr đưa cho V số tiền 1.400.000 đồng để nhờ trả nợ hộ. Còn lại số tiền 4.500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bắt đầu đánh bạc Tr lấy ra số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền 3.500.000 đồng để trong ví, khi nào thua hết số tiền 1.000.000 đồng sẽ lấy ra để tiếp tục đánh bạc. Khi bị phát hiện không rõ thắng thua, để tiền tại vị trí đánh bạc và tự nguyện giao nộp số tiền 3.500.000 đồng ở trong ví cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương.

3. Đàm Văn V mang theo số tiền 3.900.000 đồng (trong đó có 1.400.000 đồng Tr đưa V để nhờ trả nợ hộ). Khi đánh bạc V sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc, còn số tiền 1.400.000 đồng không sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện V đang thắng 50.000 đồng và tự nguyện giao nộp số tiền 3.950.000 đồng (trong đó có 1.400.000 đồng mục đích không sử dụng đánh bạc).

4. Đặng Văn N có 1.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc (trong đó có 1.000.000 đồng vay của Trịnh Ngọc H mục đích để sử dụng đánh bạc). Khi bị phát hiện không rõ thắng thua, để tiền tại vị trí đánh bạc.

5. Trịnh Ngọc H mang theo 10.500.000 đồng, cho Đặng Văn N vay 1.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc. Khi đánh bạc H lấy 1.000.000 đồng ra sử dụng để đánh bạc, còn lại số tiền 8.500.000 đồng H để trong túi quần sau không sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện không rõ thắng thua, để tiền tại vị trí đánh bạc và tự nguyện giao nộp số tiền 8.500.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương.

6. Trần Thanh T có 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, khoảng 13 giờ cùng ngày T thua hết tiền nên đi về nhà. Ngày 07/02/2021, T đến Công an huyện Sơn Dương đầu thú.

Tổng số tiền các đối tượng khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc là 14.860.000 đồng. Tổng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc nơi các đối tượng đánh ba cây là 5.740.000 đồng, Đàm Văn V tự nguyện giao nộp 3.950.000 đồng (trong đó: 2.550.000 đồng mục đích để sử dụng đánh bạc, 1.400.000 đồng mục đích không sử dụng để đánh bạc), Trịnh Ngọc H tự nguyện giao nộp 8.500.000 đồng mục đích không sử dụng để đánh bạc, Đỗ Xuân Tr tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng mục đích để sử dụng đánh bạc, Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp 3.900.000 đồng mục đích để sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương thu giữ tại chiếu bạc và các đối tượng giao nộp số tiền mục đích sử dụng đánh bạc là 15.690.000 đồng. Còn chênh lệch số tiền 830.000 đồng không xác định được của bị cáo nào, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Các đối tượng tham gia đánh bạc đến 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSSD, ngày 23 tháng 4 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đàm Văn V, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đàm Văn V, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh T.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng.

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Tr từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng.

3. Xử phạt bị cáo Đàm Văn V từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 14 đến 20 tháng.

4. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

5. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

6. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ; Tịch thu, sung quỹ nhà

nước số tiền 15.690.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Đàm Văn V 1.400.000 đồng, bị cáo Trịnh Ngọc H 8.500.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đàm Văn V, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T đều nhất trí với luận tội và không có ý kiến tham gia tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật hình sự và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Ngoài lời khai nhận của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 14 giờ 50 phút ngày 03/02/2021, tại khu vực bãi tham ma ở đồi cây bạch đàn thuộc thôn L, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đàm Văn V, Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Trịnh Ngọc H, Đặng Văn N, Trần Thanh T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền, mức sạt phạt từ 20.000 đồng trở lên. Quá trình đánh bạc không có ai canh gác, thu tiền hồ, Trần Thanh T là người rủ rê và chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ để làm dụng cụ đánh bạc, Trịnh Ngọc H cho Đặng Văn N vay số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc theo lời khai của các bị cáo là 14.860.000 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó: Nguyễn Văn H sử dụng 4.860.000 đồng; Đỗ Xuân Tr sử dụng 4.500.000 đồng; Đàm Văn V sử dụng 2.500.000 đồng; Đặng Văn N sử dụng 1.500.000 đồng; Trịnh Ngọc H sử dụng 1.000.000 đồng; Trần Thanh T sử dụng 500.000 đồng. Tổng số tiền Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương thu giữ tại chiếu bạc và các đối tượng giao nộp số tiền mục đích sử dụng đánh bạc là 15.690.000 đồng (*Mười năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*), còn chênh lệch số tiền 830.000 đồng (*Tám trăm ba mươi nghìn đồng*) không xác định được của bị cáo nào, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đàm Văn V, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an chung tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân thường dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo để giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo được thể hiện là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất 4.860.000 đồng, bị cáo Đỗ Xuân Tr tham gia đánh bạc với số tiền 4.500.000 đồng, chỉ sau bị cáo H. Nên xác định các bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Đàm Văn V tham gia đánh bạc với số tiền 2.500.000 đồng, ít hơn so với bị cáo H, bị cáo Tr nên xác định bị cáo có vai trò thấp hơn.

Bị cáo Đặng Văn N đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo Trịnh Ngọc H đánh bạc với số tiền 1.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo cho bị cáo N vay số tiền 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Trần Thanh T mặc dù tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất 500.000 đồng, tuy nhiên bị cáo là người rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạc và chuẩn bị dụng cụ đánh bạc. Xét các bị cáo có vai trò ngang nhau và thấp hơn so với các bị cáo H, Tr và V nên khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của từng bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tính chất nguy hiểm trong hành vi thấp. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đàm Văn V, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có
- Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Trần Thanh T ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy, các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và không có tài sản gì riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương thu giữ: 36 quân bài tú lơ khơ và số tiền 25.590.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó: 5.740.000 đồng tại vị trí các bị cáo ngồi đánh bạc; Đàm Văn V tự nguyện giao nộp 3.950.000 đồng; Trịnh Ngọc H tự nguyện giao nộp 8.500.000 đồng; Đỗ Xuân Tr tự nguyện giao nộp 3.500.000 đồng; Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp 3.900.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 36 quân bài tú lơ khơ. Xác định đây là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 25.590.000 đồng, trong đó xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 15.690.000 đồng nên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại bị cáo V và H tự nguyện giao nộp nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc, trong đó bị cáo Đàm Văn V nộp 1.400.000 đồng, bị cáo Trịnh Ngọc H nộp 8.500.000 đồng cần trả lại cho các bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đàm Văn V, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T phạm tội “Đánh bạc”.

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh Tùng.

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 11 (mười một)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **10 (mười)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021).

2. Xử phạt bị cáo **Đỗ Xuân Tr 10 (mười)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **08 (tám)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021).

3. Xử phạt bị cáo **Đàm Văn V 09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021).

4. Xử phạt bị cáo **Đặng Văn N 08 (tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **04 (bốn)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021).

5. Xử phạt bị cáo **Trịnh Ngọc H 08 (tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **04 (bốn)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021).

6. Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 08 (tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **04 (bốn)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Xuân Tr, Đặng Văn N, Trịnh Ngọc H, Trần Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đàm Văn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài thú lờ khờ gồm 36 quân bài, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương ngày 29/4/2021).

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 15.690.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn V số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Ngọc H số tiền 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương ngày 27/4/2021).

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn N; xã T;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

